

CHƯƠNG 8: HÌNH HỌC PHẪNG TAM GIÁC

BÀI 1: GÓC VÀ CẠNH CỦA MỘT TAM GIÁC (tiết 1)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức, kĩ năng:

- Giải thích được định lí về tổng số đo các góc trong một tam giác bằng 180^0 .
- Tính được số đo góc còn lại trong một tam giác khi biết số đo hai góc.
- Rèn luyện kĩ năng cắt ghép hình, vẽ hình, tính toán số đo các góc trong tam giác.

2. Về năng lực: Học sinh có cơ hội phát triển các năng lực:

- Năng lực tư duy tư duy và lập luận toán học: lập luận để tính được số đo góc trong một tam giác khi biết trước hai góc.
- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học: sử dụng thước thẳng vẽ được hình.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề cần giải quyết trong quá trình trả lời các câu hỏi và bài tập.
- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Nghe, hiểu được những ý kiến của bạn trong nhóm và nhóm khác khi tranh luận trong nhóm và chung trong lớp. Trình bày được các lập luận khi biểu diễn số hữu tỉ trên trục số. Thể hiện được sự tự tin khi tranh luận và trình bày lập luận trước tập thể.
- Năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học.
- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.

3. Về phẩm chất:

- Rèn luyện trung thực: Khách quan công bằng, đánh giá chính xác bài làm của nhóm mình và nhóm bạn
- Rèn luyện sự chăm chỉ: Tích cực hoạt động để hoàn thành sản phẩm, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu
- Rèn luyện tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

II. Thiết bị dạy học và học liệu số:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo tập 2, máy laptop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng, thước ê ke, một tấm bìa hình tam giác, kéo cắt giấy

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng, thước thẳng, êke, tấm bìa hình tam giác, kéo cắt giấy, keo dán giấy

3. Học liệu số:

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.
- Phần mềm vẽ hình sketchpad: vẽ hình tam giác - định dạng .gsp.
- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

III. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định lớp: (2 phút)

- Kiểm tra sĩ số học sinh.
- Học sinh hát tập thể.

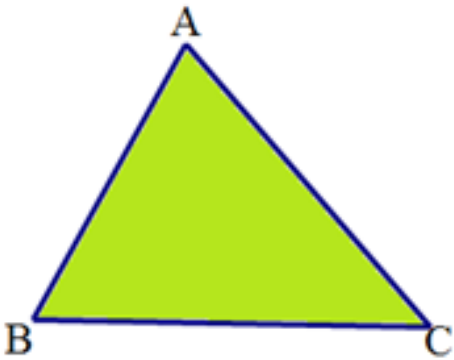
2. Nội dung:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU) (4 phút)

a) **Mục tiêu:** HS thực hành trải nghiệm đo các góc trong một tam giác, tính tổng số đo các góc đã đo, nhận xét từ đó gọi động cơ vào bài mới.

b) Nội dung:

- GV sử dụng kỹ thuật dạy học “Sơ đồ tư duy” giới thiệu nội dung của chương 8.
- HS vẽ tam giác ABC vào vở, đo các góc của tam giác ABC. Em có nhận xét gì về tổng số đo của ba góc trong tam giác ABC.



c) Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy giới thiệu nội dung chương 8 – Tam giác được GV trình chiếu.
- Kết quả câu trả lời của HS: (tùy vào từng tam giác kết quả số đo các góc sẽ khác nhau, quan tâm tới tổng các góc thu được sau khi đo)

Kết quả đo: $A = 70^\circ; B = 60^\circ; C = 50^\circ$

Nhận xét: $A + B + C = 180^\circ$

d) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV trình chiếu nội dung của chương 8 thông qua sơ đồ tư duy.

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS tiến hành đo các góc của tam giác vào vở nháp, tính tổng số đo ba góc của tam giác ABC và so sánh kết quả với bài làm của bạn.

GV hướng dẫn, gợi mở kiến thức nếu HS gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề đặt ra.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV cho HS trình bày câu trả lời của mình, GV nhận xét và sửa sai nếu có.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ Tất cả các câu trả lời của HS GV đều ghi nhận, muốn biết được đúng hay sai thì sau tiết học các em sẽ có được câu trả lời cho kết quả hoạt động của mình.

+ GV dẫn dắt HS vào bài học mới: Qua hoạt động vẽ và đo góc, ta nhận thấy tổng ba góc của tam giác ABC bằng 180^0 . Liệu rằng mọi tam giác khác thì tổng số đo ba góc của nó có bằng 180^0 không? Ta cùng nghiên cứu qua bài học ngày hôm nay nhé.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

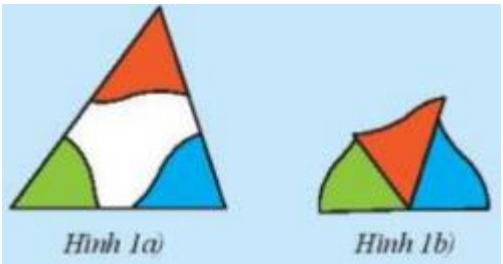
Hoạt động 1: Tổng số đo ba góc của một tam giác. (7 phút)

a) Mục tiêu: Giúp HS có cơ hội khám phá giá trị tổng số đo ba góc trong một tam giác bằng phương pháp của hình học trực quan khi so sánh tổng số đo ba góc trong một tam giác với số đo của góc bẹt. Rút ra được định lí về tổng số đo ba góc của một tam giác.

b) Nội dung: Tổng số đo ba góc của một tam giác.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm của HS
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV giao nhiệm vụ HS thực hiện hoạt động khám phá 1:</p> <p>Cắt rời ba góc khỏi tam giác rồi đặt ba góc kề nhau (Hình 1a)</p> <p>GV hỗ trợ HS trong quá trình cắt ghép hình.</p> <p>+ Hãy dự đoán về tổng số đo của ba góc trong Hình 1b?</p> <p>→ Tổng số đo ba góc trong Hình 1b bằng 180^0.</p>	<p>1. Tổng số đo ba góc của một tam giác.</p> <p>* HĐKP 1:</p>  <p>Hình 1a) Hình 1b)</p>

GV: Bằng thực hành đo góc và bằng cách gấp hình ta có dự đoán: Tổng ba góc của tam giác bằng 180° . Vậy chúng ta sẽ chứng minh xem điều dự đoán đó có đúng hay không?

- HS rút ra định lí.
- GV hướng dẫn HS các bước chứng minh định lí.

- + HS vẽ hình và viết GT, KL của định lí.
- + Gợi ý: Qua A kẻ đường thẳng $xy \parallel BC$.
- + Sử dụng tính chất của góc bẹt để lập luận đi tới điều phải chứng minh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hiện nhiệm vụ được giao (HĐKP 1 hoạt động cặp đôi)
- GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.
- GV gợi ý hướng dẫn HS cách chứng minh định lí.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

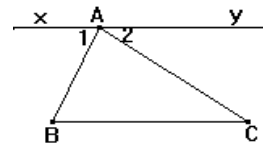
- HS báo cáo kết quả, sản phẩm bài làm của mình.
- GV cho HS khác nhận xét, đánh giá bài của các bạn. - GV đánh giá kết quả bài làm của HS.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV kết luận, nhận định và nhấn mạnh: Tổng số đo ba góc của một tam giác bằng 180° .

a) Định lí:

Tổng số đo ba góc của một tam giác bằng 180° .



G	ΔABC
T	
K	$A + B + C = 180^\circ$
L	

Chứng minh:

Qua A kẻ đường thẳng $xy \parallel BC$.

Ta có: $A_1 = B$ (so le trong)(1)

$A_2 = C$ (so le trong) (2)

Từ (1) và (2) suy ra:

$$\begin{aligned}
 &BAC + B + C \\
 &= BAC + A_1 + A_2 = 180^\circ
 \end{aligned}$$

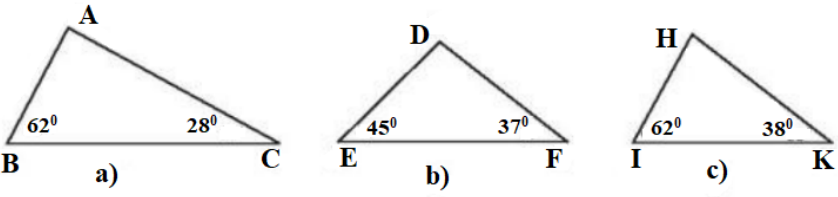
Hoạt động 2: Thực hành tính số đo góc chưa biết trong một tam giác. (7 phút)

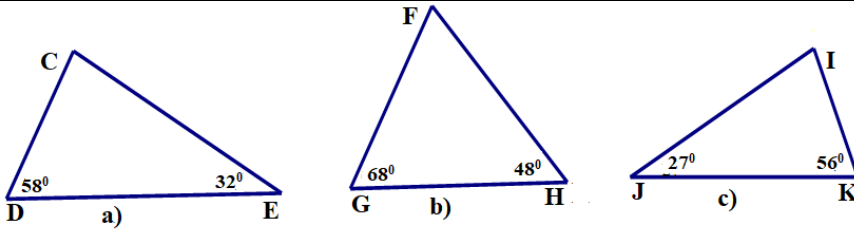
a) Mục tiêu: Giúp HS rèn kĩ năng áp dụng định lí tổng ba góc trong một tam giác để tính số đo góc của biết trong tam giác đó..

b) Nội dung: HS thực hành các ví dụ về tính số đo góc trong một tam giác, rút ra kiến thức mới.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm của HS
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV giao nhiệm vụ HS tìm hiểu và thực hiện ví dụ 1: Tìm số đo các góc chưa biết của các tam giác trong Hình 2:</p> <p>+ Từ nội dung của định lí, nếu trong một tam giác cho biết số đo của hai góc, làm thế nào để tính số đo của góc còn lại.</p> <p>→ Ta lấy 180° trừ đi tổng số đo hai góc đã biết</p>  <p style="text-align: center;">Hình 2</p> <p>+ Tam giác ABC có mấy góc vuông? → ΔABC có một góc vuông/ ΔDEF có mấy góc tù? → ΔDEF có một góc tù. ΔHIK có ba góc đều là góc gì? → ΔHIK có ba góc đều là góc nhọn.</p> <p>- GV giới thiệu tam giác nhọn, tam giác tù, tam giác vuông.</p> <p>* HS thực hiện thực hành 3 vào vở: Tìm số đo các góc chưa biết của các tam giác có trong Hình 3 và cho biết tam giác nào là tam giác nhọn, tam giác nào là tam giác vuông, tam giác nào là tam giác tù.</p>	<p>1. Tổng số đo ba góc của một tam giác.</p> <p>b) Ví dụ:</p> <p>* Ví dụ 1: Giải</p> <p>Áp dụng định lí về tổng số đo ba góc của tam giác, ta có:</p> <p>a/ $A = 180^\circ - B - C$ $= 180^\circ - 62^\circ - 28^\circ = 90^\circ$</p> <p>b) $D = 180^\circ - E - F$ $= 180^\circ - 45^\circ - 37^\circ = 98^\circ$</p> <p>c) $H = 180^\circ - I - K$ $= 180^\circ - 62^\circ - 38^\circ = 80^\circ$</p> <p>* Chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tam giác có 3 góc nhọn được gọi là tam giác nhọn. - Tam giác có 1 góc vuông được gọi là tam giác vuông. - Tam giác có 1 góc tù được gọi là tam giác tù. <p>* Thực hành 1:</p> <p>Áp dụng định lí tổng số đo các góc trong một tam giác, ta có:</p> <p>a) $C = 180^\circ - D - E$ $= 180^\circ - 58^\circ - 32^\circ = 90^\circ$</p> <p>b) $F = 180^\circ - G - H$ $= 180^\circ - 68^\circ - 48^\circ = 64^\circ$</p>



Hình 3

- Trong $\triangle CDE$ có: $C = 90^\circ, D = 58^\circ; E = 32^\circ$, em có nhận xét gì về tổng hai góc D và E ?

$$\rightarrow D + E = 90^\circ$$

* Nhận xét: Trong một tam giác vuông, tổng hai góc nhọn bằng 90° .

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hiện nhiệm vụ được giao (Ví dụ 1 hoạt động nhóm)
- GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.
- GV gợi ý hướng dẫn HS cách tính số đo góc còn lại trong một tam giác.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

- HS báo cáo kết quả, sản phẩm bài làm của mình.
- GV cho các nhóm HS khác nhận xét, đánh giá bài của các bạn.
- GV đánh giá kết quả bài làm của HS.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV kết luận, nhận định và nhấn mạnh: *Trong một tam giác vuông, tổng hai góc nhọn bằng 90° .*

$$\begin{aligned} \hat{I} &= 180^\circ - J - K \\ &= 180^\circ - 27^\circ - 56^\circ = 97^\circ \end{aligned}$$

$\triangle CDE$ là tam giác vuông

$\triangle FGH$ là tam giác nhọn.

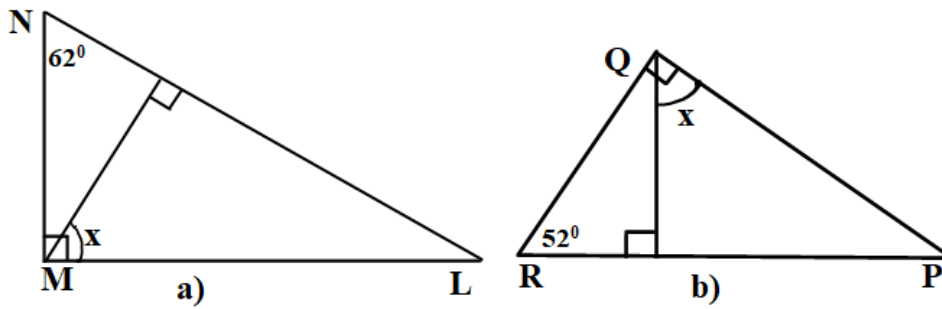
$\triangle IJK$ là tam giác tù

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (10 phút)

a) Mục tiêu: HS áp dụng định lý tổng số đo ba góc của một tam giác vào luyện tập bài tập tính góc.

b) Nội dung: HS được yêu cầu làm bài tập 2/SGK trang 47.

Tính số đo x của góc trong Hình 6.



Hình 6

c) **Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của **HS** được ghi vào vở:

Hình 6a: Áp dụng định lí tổng số đo ba góc của tam giác, ta có:

$$L = 180^{\circ} - N - M = 180^{\circ} - 62^{\circ} - 90^{\circ} = 28^{\circ}$$

Từ đó suy ra, số đo $x = 90^{\circ} - 28^{\circ} - 62^{\circ}$. (trong tam giác vuông, tổng số đo hai góc nhọn bằng 90°)

Hình 6b: Trong tam giác vuông QRP ta có: $P = 90^{\circ} - 52^{\circ} = 38^{\circ}$

Suy ra số đo $x = P = 90^{\circ} - 38^{\circ} = 52^{\circ}$

d) **Tổ chức thực hiện**

- **GV** giao yêu cầu cho **HS** như mục nội dung.
- **HS** làm bài tập vào vở. **GV** quan sát, nhắc nhở **HS** tập trung làm bài.
- **GV** chữa bài tập, thảo luận và kết luận.

D. VẬN DỤNG: (15 phút)

a) **Mục tiêu:** **HS** vận dụng kiến thức về định lí tổng số đo ba góc của một tam giác vào giải bài toán trong thực tế, tích hợp giáo dục kĩ năng sống thông qua kiến thức toán học.

b) **Nội dung:** **GV** cho **HS** chơi trò chơi giải ô chữ: trò chơi được chia làm 2 vòng

* Vòng 1: ô chữ “CHĂM NGOAN HỌC GIỎI”

HS trả lời bốn câu hỏi “có hay không”, trả lời đúng một câu sẽ lật được một từ trong câu tục ngữ.

Câu 1: Có tam giác nào mà ba góc của nó có số đo là 60° , 40° ; 81° không?

Câu 2: Có thể vẽ được tam giác mà hai góc của nó có số đo là 85° và 95° không?

Câu 3: Có thể vẽ được tam giác mà hai góc của nó có số đo là 60° và 20° không ?

Câu 4: Có tam giác nào mà ba góc của nó có số đo là 90° ; 95° ; 10° không ?

*Vòng 2: Ô chữ là câu tục ngữ “UÔNG NƯỚC NHỚ NGUỒN”

<p>Câu 1: Tháp nghiêng Pi-da ở I-ta-li-a nghiêng 5^0 với phương thẳng đứng. Hỏi Tháp nghiêng Pi-da nghiêng bao nhiêu độ so với phương ngang (so với mặt đất) ?</p>	
<p>Câu 2: Biển báo giao thông : “ĐƯỜNG HAI CHIỀU” có hình tam giác, biết ba góc của tam giác bằng nhau. Tính số đo mỗi góc của tam giác</p>	
<p>Câu 3: Mỗi mặt xung quanh của kim tự tháp có hình tam giác, Tam giác này có hai góc bằng nhau (gần bằng 58^0) . Tính số đo của góc còn lại ?</p>	
<p>Câu 4: Bề mặt một nửa chiếc bánh chưng có hình tam giác. Tam giác này có một góc vuông và hai góc nhọn bằng nhau. Tính số đo mỗi góc nhọn của tam giác đó ?</p>	

c) **Sản phẩm:** Kết quả bài làm của HS được ghi vào vở:

Giải: * Vòng 1:

Câu 1: Không

Câu 2: Không

Câu 3: Có

Câu 4: Không

*Vòng 2:

Câu 1: Tháp nghiêng Pi-da nghiêng 85^0 so với phương thẳng đứng

Câu 2: Số đo mỗi góc của tam giác bằng 60^0

Câu 3: Số đo góc còn lại của tam giác bằng 64^0

Câu 4: Số đo mỗi góc nhọn của tam giác bằng 45^0

d) **Tổ chức thực hiện**

- GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung**

- **HS** thực hiện nhiệm vụ được giao bằng hoạt động chung cả lớp, trả lời theo vòng, HS nào có câu trả lời đúng, GV ghi điểm cho các em

- GV tuyên dương những HS có câu trả lời đúng và tìm được hai ô chữ “Chăm ngoan học giỏi” và “Uống nước nhớ nguồn”. Qua đây GV giáo dục kĩ năng sống cho HS thông qua ý nghĩa của hai câu tục ngữ, đồng thời giới thiệu lịch sử của nhà Toán học đã chứng minh ra định lí về “Tổng các góc trong một tam giác” .

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS: học bài và làm bài tập 1; 3 SGK trang 46; 47.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

NGÀY SOẠN:
TUẦN
TIẾT:

CHƯƠNG 8: HÌNH HỌC PHẪNG TAM GIÁC

BÀI 1: GÓC VÀ CẠNH CỦA MỘT TAM GIÁC (tiết 2)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức, kĩ năng: Sau tiết học này, các em cần:

- Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác.
- Nắm vững các bất đẳng thức tam giác và vận dụng vào việc giải bài tập.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Học sinh có cơ hội phát triển:
 - + Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi khám phá.
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua trình bày, thảo luận và hoạt động nhóm, tương tác với giáo viên.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng kiến thức thực tiễn.
- Năng lực riêng: Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, sử dụng công cụ và phương tiện học tập toán học, năng lực mô hình hóa toán học thông qua việc chuyển vấn đề thực tiễn thành vấn đề toán học

3. Về phẩm chất:

- Rèn luyện trung thực: Khách quan công bằng, đánh giá chính xác bài làm của nhóm mình và nhóm bạn
- Rèn luyện sự chăm chỉ: Tích cực hoạt động để hoàn thành sản phẩm, có tinh thần tự học, tự nghiên cứu
- Rèn luyện tinh thần trách nhiệm: Hoàn thành các yêu cầu của giáo viên và của nhóm.

II. Thiết bị dạy học và học liệu số:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Chuẩn bị SGK Toán 7 chân trời sáng tạo tập 2, máy laptop, máy chiếu, bảng phụ, phấn màu, thước thẳng, thước ê ke.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK toán 7, vở ghi, thước thẳng, thước thẳng, êke.

3. Học liệu số:

- Văn bản: bài giảng được soạn từ phần mềm Powerpoint định dạng .pptx, giáo án word định dạng .docx.

- Phần mềm vẽ hình sketchpad - định dạng .gsp.
- Phần mềm paint: lưu ảnh định dạng .jpg.

III. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định lớp: (2 phút)

- Kiểm tra sĩ số học sinh.
- Học sinh hát tập thể.

2. Nội dung:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU) (4 phút)

a) **Mục tiêu:** HS thực hành trải nghiệm đo cạnh trong một tam giác, tính tổng độ dài hai cạnh so sánh với độ dài của cạnh còn lại, nhận xét từ đó gợi động cơ vào bài mới.

b) **Nội dung:** HS thực hành và trả lời câu hỏi sau:

- Vẽ tam giác ABC.
- Đo các cạnh AB, BC, AC.
- So sánh tổng độ dài của hai cạnh với độ dài của cạnh còn lại.

c) **Sản phẩm:** Kết quả hoạt động vẽ hình, đo đạc và tính toán của HS được thể hiện trên phiếu học tập.

HS rút ra được nhận xét: Trong tam giác ABC, tổng độ dài hai cạnh bất kì luôn lớn hơn độ dài của cạnh còn lại.

d) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao nhiệm vụ cho HS như mục nội dung.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS tiến hành vẽ, đo các cạnh của tam giác vào phiếu học tập, tính tổng độ dài hai cạnh bất kì so sánh với độ dài của cạnh còn lại, trao đổi kết quả với bạn bên cạnh.

GV hướng dẫn, gợi mở kiến thức nếu HS gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề đặt ra.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trình bày câu trả lời của mình, GV nhận xét và sửa sai nếu có.

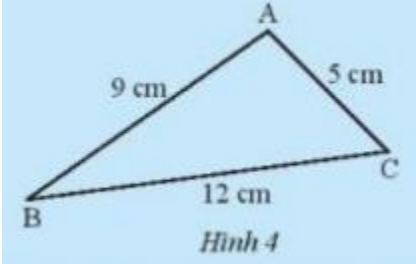
- Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV dẫn dắt HS vào bài học mới: Tiết học trước chúng ta đã biết “Tổng số đo ba góc của một tam giác bằng 180° ”, vậy quan hệ giữa ba cạnh trong một tam giác có tính chất gì đặc biệt? Ta cùng tìm hiểu qua phần tiếp theo nhé.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

Hoạt động 1: Quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác. (7 phút)

- a) **Mục tiêu:** Giúp HS khám phá bất đẳng thức tam giác thông qua đo lường và trực quan.
- b) **Nội dung:** Quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác.
- c) **Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm của HS
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV giao nhiệm vụ HS thực hiện HĐKP 2: Hãy so sánh tổng độ dài hai cạnh của tam giác trong Hình 4 với độ dài cạnh còn lại.</p> <div data-bbox="277 741 694 1003" style="text-align: center;"><p>Hình 4</p></div> <p>- Qua đo đạc, tính toán, so sánh, trong một tam giác, em có nhận xét gì về tổng độ dài hai cạnh bất kì so với độ dài cạnh còn lại?</p> <p>- HS rút ra nội dung định lí (định lí được thừa nhận)</p> <p>- GV giới thiệu các bất đẳng thức tam giác.</p> <p>Từ bất đẳng thức tam giác $AB + BC > AC$, ta suy ra:</p> $AB > AC - BC$ $BC > AC - AB$ <p>Vậy trong một tam giác có nhận xét gì về độ dài một cạnh so với hiệu và tổng độ dài của hai cạnh còn lại?</p>	<p>2. Quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác</p> <p>* HĐKP 2:</p> <p>So sánh:</p> $AB + AC > BC \quad (9 + 5 > 12)$ $AB + BC > AC \quad (9 + 12 > 5)$ $BC + AC > AB \quad (12 + 5 > 9)$ <p>a) Định lí:</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;"><p>Trong một tam giác, tổng độ dài hai cạnh bất kì bao giờ cũng lớn hơn độ dài cạnh còn lại.</p></div> <p>Xét $\triangle ABC$ ta có: $AB + AC > BC$</p> $AB + BC > AC$ $AC + BC > AB.$ <p>Các bất đẳng thức trên được gọi là các bất đẳng thức tam giác.</p> <p>Trong $\triangle ABC$, với cạnh AB ta có:</p> $AC - BC < AB < AC + BC$ <p>Hay $BC - AC < AB < AC + BC$</p>

→Nhận xét: Trong một tam giác, độ dài một cạnh bao giờ cũng lớn hơn hiệu và nhỏ hơn tổng độ dài của hai cạnh còn lại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hiện nhiệm vụ được giao (HĐKP 1 hoạt động cặp đôi)
- GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

- HS báo cáo kết quả, sản phẩm bài làm của mình.
- GV cho HS khác nhận xét, đánh giá bài của các bạn.
- GV đánh giá kết quả bài làm của HS.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV kết luận, nhận định và nhấn mạnh: Trong một tam giác, tổng độ dài hai cạnh bất kì bao giờ cũng lớn hơn độ dài cạnh còn lại.

Hoạt động 2: Ví dụ. (7 phút)

- a) **Mục tiêu:** Giúp HS rèn kỹ năng áp dụng bất đẳng thức tam giác vào việc giải bài tập.
- b) **Nội dung:** HS thực hành các ví dụ về bất đẳng thức tam giác.
- c) **Sản phẩm:** Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS được trình bày vào vở
- d) **Hình thức tổ chức:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm của HS
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ HS tìm hiểu và thực hiện ví dụ 2: <p>Trong các bộ ba độ dài đoạn thẳng dưới đây, bộ ba nào có thể là độ dài ba cạnh của một tam giác?</p> <p>a// 2 cm; 3 cm; 6 cm;</p> <p>b// 2 cm; 4 cm; 6 cm;</p> <p>c// 3 cm; 4 cm; 6 cm.</p>	<p>2. Quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác</p> <p>b) Ví dụ:</p> <p>* Ví dụ 2: Giải</p> <p>a// Ta có: $6 > 2 + 3$</p> <p>b// $6 = 2 + 4$</p> <p>c// $4 - 3 < 6 < 3 + 4$</p> <p>Do đó chỉ có bộ ba 3 cm; 4cm; 6cm có thể là độ dài ba cạnh của một tam giác.</p>

<p>GV lưu ý: các em chỉ cần so sánh độ dài cạnh lớn nhất với tổng độ dài hai cạnh còn lại hoặc độ dài cạnh bé nhất với hiệu độ dài hai cạnh còn lại.</p> <p>* HS thực hiện thực hành 2 SGK trang 46: Trong các bộ ba độ dài đoạn thẳng dưới đây, bộ ba nào có thể là độ dài ba cạnh của một tam giác?</p> <p>a) 7 cm; 8 cm; 11 cm b) 7 cm; 9 cm; 16 cm; c) 8cm; 9cm; 16 cm.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ được giao. - GV quan sát, hướng dẫn và giúp đỡ HS. - GV gợi ý hướng dẫn HS cách áp dụng bất đẳng thức theo hai chiều <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả, sản phẩm bài làm của mình. - GV cho các nhóm HS khác nhận xét, đánh giá bài của các bạn. - GV đánh giá kết quả bài làm của HS. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV kết luận, nhận định và nhấn mạnh: <i>Khi xét độ dài ba đoạn thẳng có thỏa mãn các bất đẳng thức tam giác hay không, ta chỉ cần so sánh độ dài cạnh lớn nhất với tổng độ dài hai cạnh còn lại hoặc độ dài cạnh nhỏ nhất với hiệu độ dài hai cạnh còn lại.</i></p>	<p>* Thực hành 2: Giải</p> <p>Ta có:</p> <p>a) $11 < 7 + 8$ b) $7 + 9 = 16$ c) $16 < 8 + 9$</p> <p>vậy các bộ ba 7 cm; 8 cm; 11cm và 8cm; 9 cm; 16 cm có thể là độ dài ba cạnh của một tam giác.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (10 phút)

a) Mục tiêu: HS luyện tập các dạng bài tập về bất đẳng thức tam giác thông qua trò chơi học tập.

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS trò chơi “Hộp quà may mắn” trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau đây:

Câu 1: Bộ ba nào trong các bộ ba đoạn thẳng có độ dài sau đây không thể là ba cạnh của tam giác?

A. 2cm, 4cm, 5cm

B. 3cm, 3cm, 4cm

C. 4cm, 5cm, 10cm

D. 5cm, 6cm, 9cm

Câu 2: Tam giác MNP có $MN = 2\text{cm}$ và $NP = 9\text{cm}$. Độ dài cạnh MP có thể bằng bao nhiêu trong các kết quả sau đây?

A. 5cm

B. 6cm

C. 7cm

D. 8cm

Câu 3: Một tam giác có độ dài cạnh lớn nhất là 7cm một cạnh bằng 5cm. Cạnh còn của tam giác không thể là:

A. 2cm

B. 3cm

C. 4cm

D. 5cm

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của **HS** được ghi vào vở:

Hộp quà màu vàng:

Câu 1: C. 4cm, 5cm, 10cm

Hộp quà màu hồng:

Câu 2: D. 8cm

Hộp quà màu xanh:

Câu 3: A. 2cm

d) Tổ chức thực hiện

- GV nêu luật chơi: có ba hộp quà (vàng, hồng, xanh) với ba câu hỏi khác nhau, trả lời đúng sẽ nhận được phần thưởng, trả lời sai thì không có, thời gian suy nghĩ cho mỗi câu là 10 giây.

- **HS** trả lời câu hỏi cá nhân, nếu sai thì HS khác sẽ được ưu tiên trả lời.

- **GV** tổ chức trò chơi, nhận xét đánh giá các câu trả lời của HS, tặng thưởng cho các HS sau khi mở được từng hộp quà.

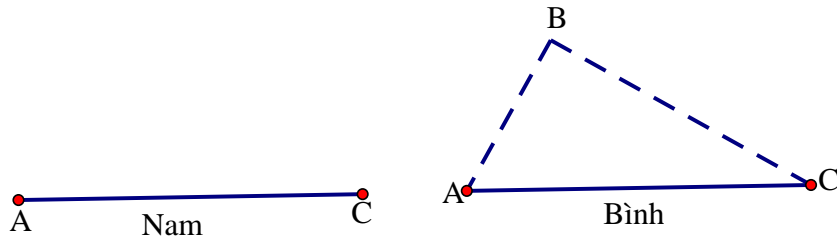
D. VẬN DỤNG: (15 phút)

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức về bất đẳng thức tam giác để làm bài tập và giải quyết các vấn đề toán học trong thực tiễn.

b) Nội dung: HS trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: (vận dụng SGK trang 46) Cho tam giác ABC với độ dài ba cạnh là ba số nguyên. Nếu biết $AB = 5\text{cm}$, $AC = 3\text{cm}$ thì cạnh BC có thể có độ dài bằng bao nhiêu xăngtimét?

Câu 2: Hai bạn Nam và Bình cùng đi từ A đến C (hình vẽ). Bạn Nam đi theo đường thẳng AC, bạn Bình đi từ A đến B rồi từ B đến C. Theo em, bạn nào sẽ đi nhanh hơn? Vì sao?



c) Sản phẩm: Kết quả bài làm của HS được ghi vào vở:

Câu 1: Áp dụng bất đẳng thức tam giác vào ΔABC ta có:

$$AB - AC < BC < AB + AC$$

$$\Rightarrow 5 - 3 < BC < 5 + 3$$

$$\Rightarrow 2 < BC < 8$$

Vì độ dài BC là một số nguyên nên BC có thể là 3cm, 4cm, 5cm, 6cm hoặc 7cm.

Câu 2: Bạn Nam sẽ đi nhanh hơn bạn Bình vì: $AB + BC > AC$ (theo bất đẳng thức tam giác)

d) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung**
- HS thực hiện nhiệm vụ được giao.
- GV hỗ trợ, hướng dẫn các em trong các hoạt động, nhận xét, sửa sai câu trả lời nếu có.
- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS: học bài và làm bài tập 4; 5; 6; 7 SGK trang 47.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....